ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CPĐS NGHĨA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 14 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

Mã số doanh nghiệp: 4100259405

Thời gian bắt đầu Đại hội: Lúc 8 giờ 00 ngày 14 tháng 4 năm 2021

Địa điểm: Trụ sở Công ty, số 02 Phó Đức Chính - Tp. Quy Nhơn - tỉnh Bình Định

A. Thành phần tham dự:

- Cổ đông: có 76 cổ đông đại diện cho 1.678.356 cổ phần có quyền biểu quyết.

B. Nội dung Đại hội:

I. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông; Khai mạc Đại hội:

1. Đại hội đã nghe ông Lê Sỹ Bổn - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông (có biên bản kèm theo):

- Tổng số cổ phần của Công ty: 1.806.000 cổ phần

- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 432 cổ đông đại diện cho 1.806.000 cổ phần có quyền biểu quyết; trong đó có 3 cổ đông đại diện ủy quyền của cổ đông pháp nhân sở hữu 924.160 cổ phần.

- Số đại biểu là cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền tham dự có mặt là 76 cổ đông đại diện cho 1.678.356 (trên tổng số 1.806.000) cổ phần chiếm tỷ lệ 93,43% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CPĐS Nghĩa Bình là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

- 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thống nhất báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.

2. Ông Mai Văn Tân - Thành viên Hội đồng quản trị khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

II. Chủ tọa, Ban Bầu cử và kiểm phiếu, Thư ký, Quy chế làm việc Đại hội:

1. Chủ tọa Đại hội:

Để điều hành Đại hội, căn cứ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Chủ tọa điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là: ông Nguyễn Thái Linh - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4100259405, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH, L=BÌNH ĐỊNH, C=VN
Location:
Date: 2021-04-15 14:20:26

2. Bầu Ban Kiểm phiếu:

Để thực hiện công tác bầu cử & kiểm phiếu, sau khi nghe danh sách dự kiến do Chủ tọa giới thiệu, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thống nhất Ban Kiểm phiếu gồm:

- Ông Trần Thanh Sơn - Trưởng ban;
- Ông Hồ Minh An - Ủy viên;
- Ông Lương Văn Khâm - Ủy viên.

3. Thư ký Đại hội:

Chủ tọa giới thiệu Thư ký Đại hội gồm các thành viên:

- Ông Trần Văn Long Thư ký C.ty;
- Bà Nguyễn Thị Giáng Huyền Chuyên viên phòng TCKT.

4. Quy chế làm việc và chương trình Đại hội:

- Ông Huỳnh Văn Tuấn - Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty thông qua Quy chế làm việc Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty; 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thống nhất Quy chế làm việc;

- Ông Nguyễn Thái Linh – Chủ tọa Đại hội thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội; 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thống nhất Chương trình của Đại hội

III. Các báo cáo được trình bày:

1. Đại hội đã nghe ông Mai Văn Tân – Thành viên Hội đồng quản trị trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (có báo cáo riêng). Một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu	Tỷ đồng	170,425	180,276	195,940
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,973	3,977	3,980
3	Tỷ lệ chia cổ tức (trên vốn góp)	%	12,2	12,2	12,2

2. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Thái Linh - Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị (có báo cáo riêng).

3. Đại hội đã nghe bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kế toán trưởng trình bày Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2020 (có báo cáo riêng).

4. Đại hội đã nghe bà Lưu Thị Minh Hằng - Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát (có báo cáo riêng).

IV. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Đại hội đã nghe ông Trần Văn Hảo - Thành viên Hội đồng quản trị trình bày nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình; Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Đại hội đã nghe ông Phan Minh Trung - Thành viên Ban Kiểm soát trình bày Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

1. Đại hội đã biểu quyết thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình với số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

2. Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình với số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

3. Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình với số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

4. Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình với số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

V. Các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Thái Linh - Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình các nội dung xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, các nội dung chính xin ý kiến gồm: Thông qua các báo cáo: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020; thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; thông qua Kế hoạch chi trả lương và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021; thông qua phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020; thông qua hủy tư cách công ty đại chúng Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình; thông qua danh mục đầu tư tài sản năm 2021; ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021; ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty đối với cổ đông là tổ chức Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

VI. Đại hội đã nghe phát biểu của ông Vũ Anh Minh - Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đánh giá kết quả hoạt động trong năm 2020 của Công ty, những thuận lợi, khó khăn và cơ hội của Công ty trong năm 2021.

VII. Thông qua việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026:

Đại hội đã nghe ông Trần Thanh Sơn. Trưởng ban bầu cử trình bày Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát.

Sau khi thảo luận Đại hội đã thống nhất thông qua Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 với số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; Ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

1. Ông Nguyễn Thái Linh Chủ tọa Đại hội Thông qua các đơn đề cử tham gia Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 các ông, bà có tên sau:

1.1 Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026:

+ Ông Nguyễn Thái Linh; số chứng minh nhân dân: 201 374 010.

+ Ông Mai Văn Tân; số chứng minh nhân dân: 210 063 146

+ Ông Trần Văn Hảo; số chứng minh nhân dân: 211 506 039

1.2 Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026:

+ Bà Lưu Thị Minh Hằng; số chứng minh nhân dân: 211 895 749

+ Ông Phan Minh Trung; số chứng minh nhân dân: 211 650 147

+ Ông Bạch Khôi Tinh; số chứng minh nhân dân: 211 752 316

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty số lượng Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 là ba (03) người; Thành viên Ban Kiểm soát là ba (03) người

Đại hội đã biểu quyết thống nhất danh sách bầu Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 gồm:

1. Ông Nguyễn Thái Linh; số chứng minh nhân dân: 201 374 010.
2. Ông Mai Văn Tân; số chứng minh nhân dân: 210 063 146
3. Ông Trần Văn Hảo; số chứng minh nhân dân: 211 506 039

Với số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

Đại hội đã biểu quyết thống nhất danh sách bầu Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 gồm:

1. Bà Lưu Thị Minh Hằng; số chứng minh nhân dân: 211 895 749
2. Ông Phan Minh Trung; số chứng minh nhân dân: 211 650 147
3. Ông Bạch Khôi Tinh; số chứng minh nhân dân: 211 752 316

Với số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

2. Kết quả kiểm phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026:

1. Ông Nguyễn Thái Linh; số chứng minh nhân dân: 201 374 010; với tổng số cổ phần có quyền bầu là: 1.947.624 cổ phần, chiếm tỷ lệ 115,42%.

2. Ông Mai Văn Tân; số chứng minh nhân dân: 210 063 146; với tổng số cổ phần có quyền bầu là: 1.563.377 cổ phần, chiếm tỷ lệ 92,65%.

3. Ông Trần Văn Hảo; số chứng minh nhân dân: 211 506 039; với tổng số cổ phần có quyền bầu là: 1.547.397 cổ phần, chiếm tỷ lệ 91,71%.

3. Kết quả kiểm phiếu bầu Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026:

1. Bà Lưu Thị Minh Hằng; số chứng minh nhân dân: 211 895 749; với tổng số cổ phần có quyền bầu là 1.809.129 cổ phần, chiếm tỷ lệ 107,22%.

2. Ông Phan Minh Trung; số chứng minh nhân dân: 211 650 147; với tổng số cổ phần có quyền bầu là 1.701.432 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100,83%.

3. Ông Bạch Khôi Tinh; số chứng minh nhân dân: 211 752 316; với tổng số cổ phần có quyền bầu là: 1.549.637 cổ phần, chiếm tỷ lệ 91,84%.

3. Thông qua kết quả trúng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 đối với các ông có tên sau:

1. Ông Nguyễn Thái Linh;

2. Ông Mai Văn Tân;

3. Ông Trần Văn Hảo;

4. Thông qua kết quả trúng cử Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 đối với các ông, bà có tên sau:

1. Bà Lưu Thị Minh Hằng

2. Ông Phan Minh Trung

3. Ông Bạch Khôi

VIII. Thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông:

Đại hội đã tiến hành thảo luận nội dung của các Báo cáo, Tờ trình Đại hội cổ đông. Đại hội đã thống nhất cao các nội dung trình bày, giải trình tại Đại hội và không có ý kiến gì thêm.

IX. Biểu quyết thông qua nội dung các Báo cáo, Tờ trình Đại hội:

1. Thông qua các báo cáo: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

Đại hội đã thống nhất thông qua các Báo cáo năm 2020 trình tại Đại hội với những chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Doanh thu và thu nhập khác: 180,276 tỷ đồng .
- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp: 4,657 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 3.977 tỷ đồng.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; Ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với những nội dung cơ bản sau:

- Doanh thu: 195,940 tỷ đồng .

- Lợi nhuận sau thuế: 3,980 tỷ đồng.

- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 12,2% (trên vốn góp)

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 *cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.*

3. Thông qua Kế hoạch chi trả lương và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021.

Nội dung như sau:

- Tổng chi phí tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021: 769.200.000 đồng.

Trong đó:

+ Tổng chi phí tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị : 404.400.000 đồng.

+ Tổng thù lao Thành viên Hội đồng quản trị : 48.000.000 đồng.

+ Tổng tiền lương Trưởng Ban kiểm soát: 280.800.000 đồng.

+ Tổng thù lao Thành viên Ban kiểm soát: 36.000.000 đồng.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 *cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.*

4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020 như sau:

Lợi nhuận sau thuế: 3.977.531.763 đồng.

- Trích các quỹ:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: 550.000.000 đồng.

+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành: 267.000.000 đồng.

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 957.211.763 đồng.

- Chi trả cổ tức:

+ Kinh phí: 2.203.320.000 đồng.

+ Tỷ lệ chi trả cổ tức: 12,2% trên vốn góp.

+ Hình thức chi trả cổ tức: bằng tiền mặt.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả theo đúng pháp luật.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

5. Thông qua hủy tư cách công ty đại chúng Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất hủy tư cách công ty đại chúng đối với Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đúng theo trình tự thủ tục của pháp luật hiện hành.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

6. Thông qua danh mục đầu tư tài sản năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định kế hoạch danh mục đầu tư phát triển năm 2021.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

7. Thông qua phương án chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021, là đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách các doanh nghiệp kiểm toán, đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán năm 2021 của Bộ Tài chính.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

8. Thông qua việc ủy quyền thông qua việc ký kết hợp đồng

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty đối với cổ đông là tổ chức Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 757.296 cổ phần (trên tổng số 884.940 cổ phần không phải là số cổ phần sở hữu của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, trong đó số cổ phần có mặt dự họp là 757.296 cổ phần), chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

X. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Ông Trần Văn Long - thay mặt Thư ký Đại hội lên thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 với Số cổ phần biểu quyết tán thành là 1.678.356 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0%; ý kiến khác 0 cổ phần, chiếm 0%.

2. Thư ký Đại hội thông qua Biên bản Đại hội. Đại hội đã biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 với tỷ lệ thống nhất là 100% (1.678.356 cổ phần).

3. Ông Nguyễn Thái Linh - Chủ tọa, bế mạc Đại hội.

Biên bản được lập vào hồi 12 giờ 00 ngày 14 tháng 4 năm 2021, ngay sau khi chương trình nghị sự của Đại hội kết thúc./.

THƯ KÝ		CHỦ TỌA
Trần Văn Long	**Nguyễn Thị Giáng Huyền**	**Nguyễn Thái Linh**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CPĐS NGHĨA BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01 /2021/NQ-ĐHĐCĐ	*Bình Định, ngày 14 tháng 4 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được tổ chức ngày 14 tháng 4 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua các báo cáo: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được năm 2020 như sau:

- Doanh thu: 180,276 tỷ đồng .
- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp: 4,657 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 3,977 tỷ đồng.

2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với những nội dung cơ bản sau:

- Doanh thu: 195,940 tỷ đồng .
- Lợi nhuận sau thuế: 3,980 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 12,2% (trên vốn góp)

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Thông qua Kế hoạch chi trả lương và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021, nội dung như sau:

- Tổng chi phí tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021: 769.200.000 đồng.

Trong đó:

+ Tổng chi phí tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 404.400.000 đồng.

+ Tổng thù lao Thành viên Hội đồng quản trị: 48.000.000 đồng.

+ Tổng tiền lương Trưởng Ban Kiểm soát: 280.800.000 đồng.

+ Tổng thù lao Thành viên Ban Kiểm soát: 36.000.000 đồng.

4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020 như sau:

Lợi nhuận sau thuế: 3.977.531.763 đồng.

- Trích các quỹ:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: 550.000.000 đồng.

+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành: 267.000.000 đồng.

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 957.211.763 đồng.

- Chi trả cổ tức: Tỷ lệ chi trả cổ tức 12,2% trên vốn góp với số tiền: 2.203.320.000 đồng.

+ Hình thức chi trả cổ tức: bằng tiền mặt.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả theo đúng pháp luật.

5. Thông qua hủy tư cách công ty đại chúng Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

Đại hội đồng cổ đông thống nhất hủy tư cách công ty đại chúng đối với Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đúng theo trình tự thủ tục của pháp luật hiện hành.

6. Thông qua danh mục đầu tư tài sản năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định kế hoạch danh mục đầu tư phát triển năm 2021.

7. Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình; Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình .

8. Thông qua phương án chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021, là đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách các doanh nghiệp kiểm toán, đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán năm 2021 của Bộ Tài chính.

9. Thông qua việc ủy quyền thông qua việc ký kết hợp đồng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty đối với cổ đông là tổ chức Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

10. Thông qua kết quả trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026:

Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 là ba (03) người; Thành viên Ban Kiểm soát là ba (03) người.

10.1 Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 gồm:

1. Ông Nguyễn Thái Linh

2. Ông Mai Văn Tân

3. Ông Trần Văn Hảo

10.2 Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 gồm:

1. Bà Lưu Thị Minh Hằng

2. Ông Phan Minh Trung

3. Ông Bạch Khôi Tinh

11. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị Công ty tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội kế tiếp.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
TP. QUY NHƠN-T. BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Thái Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08 /NQ- HĐQT	*Bình Định, ngày 14 tháng 4 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua kết quả bầu cử chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa ngày 14/4/2021;

Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 14/4/2021 về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua và phê chuẩn việc bầu:

- Ông Nguyễn Thái Linh, giữ chức chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đường sắt Nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

3.Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, Trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ Công ty, Phó Giám đốc phụ trách Xí nghiệp XDCT, Giám đốc Trung tâm DV&VHTTĐS, Đội trưởng các Đội cầu đường có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 3;
- Đảng ủy, CĐ, Đoàn TN Cty;
- Thành viên HĐQT/BKS;
- Website Cty;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Nguyễn Thái Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43 /TB-ĐSNB	*Bình Định, ngày 15 tháng 4 năm 2021*

THÔNG BÁO

Nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, chúng tôi trân trọng thông báo nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

1. Hội đồng quản trị

1.1 Ông Nguyễn Thái Linh

Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ được bổ nhiệm: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thời hạn bổ nhiệm: Nhiệm kỳ 2021-2026

Ngày bắt đầu có hiệu lực: 14/4/2021

1.2 Ông Mai Văn Tân

Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ được bổ nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị

Thời hạn bổ nhiệm: Nhiệm kỳ 2021-2026

Ngày bắt đầu có hiệu lực: 14/4/2021

1.3 Ông Trần Văn Hảo

Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ được bổ nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị

Thời hạn bổ nhiệm: Nhiệm kỳ 2021-2026

Ngày bắt đầu có hiệu lực: 14/4/2021

2. Ban Kiểm soát

2.1 Bà Lưu Thị Minh Hằng

Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ được bổ nhiệm: Trưởng Ban Kiểm soát

Thời hạn bổ nhiệm: Nhiệm kỳ 2021-2026

Ngày bắt đầu có hiệu lực: 14/4/2021

2.2 Ông Phan Minh Trung

Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ được bổ nhiệm: Thành viên Ban Kiểm soát

Thời hạn bổ nhiệm: Nhiệm kỳ 2021-2026

Ngày bắt đầu có hiệu lực: 14/4/2021

2.3 Ông Bạch Khôi Tinh

Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ được bổ nhiệm: Thành viên Ban Kiểm soát

Thời hạn bổ nhiệm: Nhiệm kỳ 2021-2026

Ngày bắt đầu có hiệu lực: 14/4/2021

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như Trên;
- Lưu VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH
TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Thái Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 38 /BC-ĐSNB	*Bình Định, ngày 12 tháng 4 năm 2021*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính thưa: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Với tinh thần đoàn kết và nhất trí cao của các thành viên, trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình đã hoàn thành các nhiệm vụ mà Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng đã phát huy năng lực, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả công tác quản trị điều hành năm 2020 và kế hoạch công tác năm 2021, như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình năm 2020 nhìn chung ổn định, phát triển có hiệu quả, chất lượng sản phẩm được duy trì. Doanh thu, lợi nhuận đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đã đề ra.

1. Thuận lợi:

Để có được kết quả trên là nhờ có sự đoàn kết nhất trí, sự cố gắng, quyết tâm của toàn thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành, CBCNV trong toàn Công ty và có được sự hỗ trợ tin cậy của đối tác và quý cổ đông nhất là cổ đông lớn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty cũng đã quan tâm chỉ đạo sát sao, các thành viên thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, bám sát tình hình sản xuất, đưa ra các quyết định kịp thời trong các mặt hoạt động của Công ty, trong đó chú trọng công tác nâng cao công nghệ, tiết giảm chi phí, gia tăng lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Khó khăn:

Năm 2020 là một năm đầy thách thức và khó khăn đối với Công ty. Đại dịch bệnh

Covid -19 làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty nhất là trong đợt giãn cách xã hội; những tháng đầu năm 2020 Công ty gặp rất nhiều khó khăn về vốn sản xuất kinh doanh khi chưa ký được hợp đồng Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt nên phải đi vay tiền để trả lương cho người lao động. Thời tiết khắc nghiệt liên tục tục xảy ra bão lũ khu vực miền trung.

Công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt diễn biến phức tạp nhất là các vị trí đường ngang biển báo, lối đi tự mở và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

Mặc dù vậy tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người lao động của Công ty thực sự đoàn kết nhất trí, ý thức trách nhiệm cao đưa Công ty vượt qua khó khăn để sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

Trong năm 2020, các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. Thay mặt cổ đông, Hội đồng quản trị quản lý Công ty hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Hội đồng quản trị quản lý Công ty bằng biện pháp ban hành các Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết, hàng quý hoặc đột xuất Hội đồng quản trị họp với bộ máy điều hành để kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong sản xuất kinh doanh; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác.

- Hội đồng quản trị phối hợp và hỗ trợ Ban điều hành giải quyết những vướng mắc với các đối tác trong công tác thanh toán, công tác kinh tế, đầu tư và tìm kiếm việc làm. Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Ban điều hành để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để xem xét quyết định các

vấn đề quản lý của Công ty theo thẩm quyền Hội đồng quản trị.

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Các nghị quyết và quyết định Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của 3/3 thành viên Hội đồng quản trị.

- Nội dung các phiên họp như sau:

+ Phiên họp ngày 12/01/2020: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

+ Phiên họp ngày 21/4/2020: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I/2020 và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2020 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

+ Phiên họp ngày 20/7/2020: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2020 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

+ Phiên họp ngày 12/10/2020: Đánh giá kết quả SXKD Quý III/2020, và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV/2020 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

- Các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2020 gồm: 203 văn bản, trong đó:

+ Số lượng Nghị quyết ban hành: 12 Nghị quyết

+ Số lượng quyết định ban hành: 107 Quyết định.

+ Số lượng văn bản khác: 84 Văn bản

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành các quy chế quản lý bao gồm:

Quyết định số 132/QĐ-ĐSNB ngày 23/9/2020 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

Quyết định số 159/QĐ-ĐSNB ngày 11/11/2020 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế Thi đua – Khen thưởng của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

2. Công tác nhân sự:

- Công tác nhân sự được kiện toàn, mô hình tổ chức dần ổn định theo đúng định hướng chiến lược. Hội đồng quản trị luôn chú trọng tới việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng chính sách đãi ngộ, phúc lợi, xây dựng quy trình bồi dưỡng nguồn nội bộ.

- Triển khai thực hiện kiện toàn, tinh giản bộ máy tổ chức, nhân sự từ cơ quan đến các đơn vị trực thuộc. Trong năm Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt thực hiện trả lương đối với bộ phận gián tiếp các phòng nghiệp vụ cơ quan, theo vị trí, chức danh công việc. Theo đó Công ty định biên mức lương riêng biệt cho trưởng phòng, phó phòng và nhân viên, đối với nhân viên được tách thành 03 nhóm khác nhau, nhằm khuyến khích người lao động hoàn thành nhiệm vụ với chất lượng và hiệu quả cao.

3. Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý của Công ty:

- Trong năm qua Hội đồng quản trị đã thực hiện tích cực vai trò, chức năng quản trị điều hành theo cam kết với Đại hội đồng cổ đông. Đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chỉ đạo, giám sát đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công các công trình do Công ty đảm nhận theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Đề án số 123/ĐA-ĐSNB ngày 15/10/2018 về mô hình sản xuất bóc tách công tác duy tu bảo trì và công tác quản lý an toàn các đội cầu đường thuộc Công ty.

- Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

- Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chồng chéo đến việc điều hành của Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, các đơn vị trực thuộc và có

những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

4. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

4.1. Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình thực hiện tốt các nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh, kết thúc năm 2020, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập của người lao động và nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông đúng với kế hoạch được thông qua, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH so với KH (%)
1	Tổng sản lượng	Tỷ đồng	186,59	197,37	105,8
2	Doanh thu, thu nhập khác	Tỷ đồng	170,425	180,276	105,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,966	4,657	93,8
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,973	3,977	100,11
5	Thu nhập bình quân	Tr. Đồng	10,825	11,012	101,73
6	Tỷ suất lợi nhuận /VĐL	%	22,0	22,02	100,11
7	Chia cổ tức 12,2% trên vốn góp	Tỷ đồng	2,203	2,203	100

4.2. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội, địa chỉ P408 tòa nhà 17T1, Đường Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp Hà Nội là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình. Đây là đơn vị kiểm toán nằm trong danh sách những đơn vị kiểm toán độc lập được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức giao dịch trên thị trường chứng khoán.

4.3. Chi tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020.

- Hội đồng quản trị đã phê duyệt dự toán Tổng mức lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông là:

727.800.000 đồng và được quyết toán tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 là: 727.800.000 đồng, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao đ/người/tháng	Mức lương đ/người/tháng	Tổng số tiền
1	Chủ tịch HĐQT	1	12		31.650.000	379.800.000
2	Thành viên HĐQT	2	12	2.000.000		48.000.000
3	Trưởng ban kiểm soát	1	12		22.000.000	264.000.000
4	Thành viên Ban KS	2	12	1.500.000		36.000.000
	Cộng					**727.800.000**

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Xác định năm 2021 sẽ là một năm còn nhiều khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vì vậy, Hội đồng quản trị quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2021, đặc biệt quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông. Hội đồng quản trị xác định một số nhiệm vụ trọng tâm của của công tác quản trị trong năm 2021 như sau:

1. Năm 2021, Hội đồng quản trị tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, tăng cường năng lực quản trị, đề ra các giải pháp nhằm chỉ đạo và điều hành công tác sản xuất kinh doanh của Công ty, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2021 với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng sản lượng	Tỷ đồng	215,204
2	Doanh thu	Tỷ đồng	195,940
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,980
4	Phân phối lợi nhuận (dự kiến)		
+	Chia cổ tức 12,2% trên vốn góp	Tr. Đồng	2.203,320
+	Trích quỹ đầu tư phát triển	Tr. Đồng	550
+	Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	Tr. Đồng	267
+	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr. Đồng	959,680
6	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	20,283
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	18,060
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	19,62
9	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/ng/tháng	11,803
10	Số lao động bình quân	Người	568
11	Công tác đầu tư tại công ty năm 2021: Toa xe gắn cẩu chuyên dùng để cẩu, vận chuyển vật tư, vật liệu, hàng hóa phục vụ thi công bảo trì đường sắt	Toa	01

2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý Công ty, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, kiện toàn cơ cấu tổ chức, củng cố, sắp xếp mô hình quản lý, phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty trong thời gian tới để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất.

3. Phối hợp cùng Ban Kiểm soát Công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính, đảm bảo dòng tiền lành mạnh và bảo toàn vốn, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.

4. Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh năm 2021 nhằm phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra, trong đó đặc biệt đẩy nhanh tiến độ, chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và phải đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu của hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

IV. THAY LỜI KẾT:

Năm 2020, Công ty hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước; quyền lợi của cổ đông được đảm bảo; Thực hiện tốt công tác trả lương và các chế độ cho người lao động, thu nhập và đời sống của người lao động được nâng lên.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty có được là do sự tin cậy và ủng hộ mạnh mẽ của đối tác, quý cổ đông và tập thể CBCNV Công ty. Hội đồng quản trị cam kết sẽ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời sát sao và đồng hành cùng với ban điều hành Công ty với quyết tâm cao nhất và nỗ lực hơn nữa hoàn thành, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, góp ý và đồng hành của đối tác, Quý cổ đông để Công ty hoàn thành nhiệm vụ. Tôi xin thay mặt Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình gửi lời cảm ơn sâu sắc đến đối tác kinh doanh, Quý cổ đông và toàn thể CBCNV Công ty.

Kính thưa quý cổ đông trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2021. Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét và đóng góp ý kiến để Hội đồng quản trị không ngừng nâng cao trách nhiệm quản trị, năng lực quản lý điều hành Công ty nhằm thực hiện tốt Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, góp phần xây dựng Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình ngày càng lớn mạnh và phát triển bền vững./.

Kính trình đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Nguyễn Thái Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Số: 39 /BC-ĐSNB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 12 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Tôi xin phép báo cáo quý vị cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

PHẦN THỨ NHẤT:

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2020

I. Tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2020:

Năm 2020, Công ty đã bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đặt ra, kết quả thực hiện khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, cụ thể như sau:

1.1. Công tác xây dựng chiến lược kinh doanh, sắp xếp mô hình tổ chức doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị Công ty:

- Tiếp tục triển khai sắp xếp lại mô hình tổ chức của Công ty theo đúng mô hình sản xuất mới, nâng cao năng lực quản trị, tăng cường chức năng quản lý, quản trị Công ty.

- Đã sửa đổi ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với mô hình tổ chức và các quy định của Pháp luật.

1.2. Tập trung vào điều hành thi công công trình Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt và các công trình cải tạo, nâng cấp đường sắt thuộc dự án 7.000 tỷ:

Năm 2020, Công ty ký hợp đồng đảm nhận thi công Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt từ Km 903+000-:-1096+200 tuyến đường sắt thống nhất Hà Nội - TP Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt Diêu Trì - Quy Nhơn và đã tham gia đấu thầu thi công gói thầu số 15 thuộc dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu từ Km 1419+100 đến Km 1436+750 tại tỉnh Ninh Thuận và thầu phụ cho gói thầu số 10 thi công cải tạo, nâng cấp nền đường, kiến trúc tầng trên một số đoạn tuyến; Cải tiến cải tuyến một đoạn đường cong tại Km 1040+286 thuộc các tỉnh Quảng Nam, Bình Định.

Các công trình cải tạo, nâng cấp đường sắt thuộc dự án 7.000 tỷ đều đảm bảo các mục tiêu như: tiến độ, chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.

1.3. Công tác nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn lao động:

Trong năm 2020, Công ty đã tiếp tục sử dụng thực hiện một số ứng dụng phần mềm quản lý điều hành, duy trì họp giao ban và triển khai các Nghị quyết qua hệ thống trực tuyến đối với các đơn vị trực thuộc, một số sáng kiến, cải tiến hợp lý hóa sản xuất đã áp dụng vào sản xuất.

Công tác an toàn lao động: Trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động, kiểm soát cảnh báo an toàn thường xuyên trên tất cả các đơn vị của Công ty.

1.4. Công tác tổ chức - quản trị nguồn nhân lực:

Công ty đã triển khai thực hiện tốt đề án (Đề án 123/ĐA-ĐSNB ngày 15/10/2018) sắp xếp tách công tác duy tu bảo trì và quản lý an toan ở các đội cầu đường. Đề án đã mang lại hiệu quả cao, nhất là trong năm 2020 công ty tham gia các công trình thuộc dự án 7000 tỷ: Tuy đảm nhận thi công trình ở xa nhưng đảm bảo được tiến độ, chất lượng thi công công trình vừa đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện công tác Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.

- Thực hiện quản trị nhân lực từ Công ty đến các chi nhánh trực thuộc giúp bộ máy lãnh đạo Công ty cập nhật kịp thời các biến động về lao động từ đó có sự chỉ đạo kịp thời trong công tác điều hành sản xuất.

1.5. Công tác thu hồi vốn:

Công ty bám sát các Chủ đầu tư để giải quyết các vướng mắc đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình đã và đang thi công, bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD. Tuy nhiên, một số công trình còn vướng mắc về cơ chế thanh toán với chủ đầu tư nên chưa giải quyết dứt điểm dẫn đến dở dang, công nợ chưa thanh toán.

1.6. Công tác kiểm tra kiểm soát:

- Kiểm toán soát xét báo cáo tài chính định kỳ, thực hiện công bố thông tin theo quy định.

- Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các chi nhánh, đơn vị trực thuộc.

- Ban hành các quy chế phân cấp quản lý, định mức nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và các Quy định hiện hành.

- Năm 2020, Công ty đã được thẩm định nguồn vốn kinh tế sự nghiệp năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Qua thẩm định, kiểm tra được đánh giá là đơn vị thực hiện khá tốt các quy định của pháp luật trong công tác sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH so với KH (%)
1	Tổng sản lượng	Tỷ đồng	186,59	197,37	105,8
2	Doanh thu	Tỷ đồng	170,425	180,276	105,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,966	4,657	93,8
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,973	3,977	100,11
5	Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu	%	19,69	19,71	100,10
6	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%	22,0	22,02	100,11
7	Chia cổ tức 12,2% trên vốn góp	Tỷ đồng	2,203	2,203	100
8	Thu nhập bình quân	Tr. Đồng	10,825	11,012	101,73

3. Đánh giá công tác quản lý của Công ty:

3.1. Công tác quản lý vốn và tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ sản phẩm công trình xây dựng, quản lý đầu tư, quản lý lao động... theo đúng các quy định của Pháp luật Nhà nước, Quy định của Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

- Hội đồng quản trị thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty. Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc. Đảm bảo sự điều hành không chồng chéo, các quy định ban hành phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.

- Công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo quản lý tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Các văn bản Quy chế quản lý nội bộ Công ty đã được ban hành cho phù hợp với quy định của Pháp luật và yêu cầu thực tế công tác quản lý SXKD.

- Kết quả đạt được trong năm 2020, Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, SXKD đạt hiệu quả kinh tế, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, quyền lợi của cổ đông được đảm bảo.

3.2. Về công tác tiền lương:

- Công ty xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương và thực hiện tốt công tác trả lương và các chế độ cho người lao động. Đối với bộ phận gián tiếp các phòng nghiệp vụ cơ quan, Công ty trả lương theo vị trí, chức danh công việc, không phân phối bình quân. Theo đó Công ty định biên mức lương riêng biệt cho trưởng phòng, phó phòng và nhân viên, đối với nhân viên được tách thành 03 nhóm khác nhau, nhằm khuyến khích người lao động hoàn thành nhiệm vụ với chất lượng và hiệu quả cao.

- Thu nhập bình quân của người lao động đạt 11,012 triệu đồng/người/tháng tăng so với năm 2019 là 8,85%, đời sống của người lao động được nâng lên.

3.3. Công tác tiếp thị đấu thầu:

Trong năm 2020, Công ty đã chủ động trong công tác tiếp thị đấu thầu các dự án, chủ động tham gia đấu thầu một số gói thầu, dự án phù hợp với năng lực của Công tyđể tìm kiếm việc làm cho CBCNV.

3.4. Công tác tài chính:

Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền phê duyệt lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

- Năm 2020, Công ty hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; Vốn chủ sở hữu được bảo toàn; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước; quyền lợi của cổ đông được đảm bảo; Thực hiện tốt công tác trả lương và các chế độ cho người lao động, thu nhập và đời sống của người lao động được nâng lên.

- Công tác tài chính kế toán thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình quản lý tài chính, tình hình tài chính được nâng lên Cân đối tài chính đảm bảo, đáp ứng đủ nguồn vốn phục vụ SXKD và nguồn vốn đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2020.

- Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Luật Chứng khoán.

PHẦN THỨ HAI:
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. Kế hoạch SXKD năm 2021:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chính. Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch SXKD năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng sản lượng	Tỷ đồng	215,204
2	Doanh thu	Tỷ đồng	195,940
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,980
4	Phân phối lợi nhuận (dự kiến)		
+	Cổ tức 12,2% trên vốn góp	Tr. Đồng	2.203,320
+	Quỹ đầu tư phát triển	Tr. Đồng	550
+	Quỹ khen thưởng ban điều hành	Tr. Đồng	267
+	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr. Đồng	959,68
6	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	20,283
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	18,060
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	19,62
9	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/ng/tháng	11,803
10	Số lao động bình quân	Người	568

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2021:

Trên cơ sở nhận định những thuận lợi và khó khăn trong năm 2021 ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình, đồng thời xác định yếu tố nội lực về tài chính, nguồn nhân lực của Công ty cũng như xét đến các công việc mà Công ty triển khai thi công trong năm 2021. Hội đồng quản trị xác định nhiệm vụ trong năm 2021, cụ thể:

- Tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động SXKD.

- Đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng thi công tại các công trình, đặc biệt phải đạt được mục tiêu tiến độ, chất lượng công trình quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và đặc biệt là đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo kế hoạch SXKD năm 2021 và các năm tiếp theo.

- Tiếp thị đấu thầu tìm kiếm thêm nguồn việc, bổ sung giá trị sản lượng. Tăng cường tiếp thị đấu thầu lĩnh vực xây dựng cơ bản, dịch vụ nhà hàng.

- Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác thanh quyết toán với Chủ đầu tư đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, thanh quyết toán dứt điểm các công trình đã thi công hoàn thành những năm trước.

- Nghiên cứu và áp dụng các công nghệ thi công mới vào sản xuất nhằm tăng năng suất lao động. Tiếp tục xây dựng các biện pháp, giải pháp để quản lý chi phí trực tiếp, tiết kiệm chi phí giá thành sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện kịp thời chi trả tiền lương và chế độ cho người lao động. Đảm bảo mức trả cổ tức cho các cổ đông.

Kính thưa quý cổ đông trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Kính mong quý cổ đông đóng góp ý kiến để xây dựng Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình ngày càng phát triển bền vững.

Kính trình đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 40/TTr-ĐSNB	*Bình Định, ngày 12 tháng 4 năm 2021*

TỜ TRÌNH

Về nội dung xin ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

- Căn cứ vào số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

I. Nội dung 1: Thông qua các báo cáo: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, báo cáo của Hội đồng quản trị và báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020 với những chỉ tiêu chính sau:

Doanh thu và thu nhập khác:	180,276 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế TNDN:	4,657 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN:	3,977 tỷ đồng

II. Nội dung 2: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay và dự báo tình hình thị trường trong năm 2021. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2021 như sau:

Doanh thu:	195,940 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN:	3,980 tỷ đồng.
Tỷ lệ chi trả cổ tức:	12,2% trở lên trên vốn góp

III. Nội dung 3: Kế hoạch chi trả lương và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021.

TT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao đ/người/tháng	Mức lương đ/người/tháng	Tổng số tiền
1	Chủ tịch HĐQT	1	12		33.700.000	404.400.000
2	Thành viên HĐQT	2	12	2.000.000		48.000.000
3	Trưởng ban kiểm soát	1	12		23.400.000	280.800.000
4	Thành viên Ban KS	2	12	1.500.000		36.000.000
	Cộng					**769.200.000**

IV. Nội dung 4: Phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2020.

- Căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

- Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2020.

- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán, tổng lợi nhuận sau thuế là 3.977.531.763 đồng Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, cụ thể như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế : 3.977.531.763 đồng

- Trích các quỹ:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển: 550.000.000 đồng

+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành: 267.000.000 đồng

+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 957.211.763 đồng

2. Chi trả cổ tức 12,2% trên vốn góp, chi trả cổ tức bằng tiền mặt. Thời điểm chi trả đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy nhiệm cho Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng pháp luật với số tiền: 2.203.320.000 đồng.

V. Nội dung 5: Hủy tư cách công ty đại chúng Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình là Công ty đại chúng theo sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước tại văn bản số:1690/UBCKGSĐS ngày 07/4/2016, ngày 19/6/2016 giao dịch đầu tiên cổ phiếu trên thị trường UPCoM tại sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 tại khoản 1 Điều 32 quy định điều kiện để trở thành công ty đại chúng:

- Vốn Điều lệ 30 tỷ đồng trở lên;
- Thực hiện chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng thông qua đăng ký với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Căn cứ vào điều kiện trên thì hiện nay Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình không đủ điều kiện để là công ty đại chúng.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 135 Luật Chứng khoán thì đối với công ty đại chúng có cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà vẫn đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sữa đổi, bổ sung một số điều theo số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành thì không bị hủy tư cách công ty đại chúng, không bị hủy niêm yết, đăng ký giao dịch, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác thì Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình đủ điều kiện vẫn là công ty đại chúng.

Với 5 năm là công ty đại chúng và giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCoM thì Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình thấy cũng chưa có hiệu quả vì cổ đông của Công ty đại bộ phận là công nhân trực tiếp sản xuất nên việc giao dịch trên sàn UPCoM rất hạn chế, vốn điều lệ Công ty nhỏ ít nhà đầu tư quan tâm và phải trả các khoản chi phí dịch vụ khác.

Để tạo điều kiện cho cổ đông giao dịch thuận lợi hơn cũng như giảm các chi phí và các thủ tục không cần thiết khi Công ty là công ty đại chúng và giao dịch trên thị trường UPCoM.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua hủy tư cách công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

VI. Nội dung 6: Danh mục đầu tư tài sản năm 2021.

Toa xe gắn cẩu chuyên dùng để cẩu, vận chuyển vật tư, vật liệu, hàng hóa phục vụ thi công bảo trì đường sắt (số lượng 01 toa xe, nguồn vốn hợp pháp của Công ty)

VII. Nội dung 7: Chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Để chuẩn bị cho việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 là đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán năm 2021 của Bộ Tài chính.

VIII. Nội dung 8: Ủy quyền thông qua việc ký kết hợp đồng.

Để thuận lợi trong việc điều hành sản xuất kinh doanh trong năm, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty đối với cổ đông là tổ chức Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Số: 41 /QC-ĐSNB	*Bình Định, ngày 12 tháng 4 năm 2021*

QUY CHẾ
LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được áp dụng cho tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Điều 2. Thành phần tham dự Đại hội cổ đông:

- Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Khách mời (nếu có).

Điều 3. Chủ tọa, quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tọa:

- Chủ tọa Đại hội cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tọa:

+ Thông qua nội dung chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội;

+ Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình Đại hội đã thông qua;

+ Hướng dẫn cổ đông thảo luận theo chương trình, nội dung của Đại hội;

+ Trả lời các ý kiến của cổ đông;

+ Hướng dẫn cổ đông biểu quyết;

+ Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Thư ký Đại hội:

- Thư ký do Chủ tọa Đại hội cử: số lượng 02 người;
- Nhiệm vụ của Thư ký:

+ Ghi biên bản Đại hội;

+ Dự thảo Nghị quyết Đại hội;

+ Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông;

+ Báo cáo dự thảo Nghị quyết Đại hội;

+ Các nhiệm vụ khác do Chủ tọa phân công.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông):

- Phát biểu, tham gia ý kiến trong Đại hội;

- Thực hiện quyền biểu quyết các vấn đề Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông;

- Chấp hành Quy chế làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa.

Điều 6. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị Công ty thành lập theo Quyết định số19/QĐ-ĐSNB, ngày 25/02/2021, để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của Pháp luật và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp.

- Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết.

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức tiến hành.

Điều 7. Quy trình phát biểu ý kiến trong Đại hội:

Cổ đông đăng ký phát biểu qua Ban Thư ký hoặc giơ phiếu biểu quyết xin phát biểu ý kiến và được phát biểu khi Chủ tọa giới thiệu. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, có trọng tâm các vấn đề Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, tránh trùng lặp.

Điều 8. Ban Kiểm phiếu, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua số lượng và nhân sự theo đề nghị của Chủ tọa:

- Số lượng Ban kiểm phiếu: 03 người gồm 01 trưởng Ban và 02 thành viên;

- Ban kiểm phiếu làm việc độc lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu;

- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu: Hướng dẫn cổ đông biểu quyết, thu phiếu biểu quyết của cổ đông, kiểm phiếu biểu quyết và lập biên bản kiểm phiếu;

- Báo cáo kết quả kiểm phiếu với Đại hội.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, các biên bản kiểm phiếu cho Hội đồng quản trị Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 9. Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông) được Ban tổ chức phát thẻ biểu quyết; Số quyền biểu quyết của cổ đông đối với mỗi vấn đề cần biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền (nếu có).

- Thẻ biểu quyết gồm: 01 thẻ biểu quyết màu hồng:

- Thẻ biểu quyết (màu hồng) bao gồm các nội dung: Mã số cổ đông; số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu /hoặc ủy quyền).

- Cổ đông dùng để biểu quyết thông qua nội dung, chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu, biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội; Cổ đông dùng để biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo Quy chế bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát.

- Thẻ biểu quyết phải được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông ký và ghi rõ họ tên;

- Thẻ biểu quyết hợp lệ: Là thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát ra, để biểu quyết tất cả các vấn đề cần thông qua Đại hội đồng cổ đông và có chữ ký của cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông).

- Thẻ biểu quyết không hợp lệ: Là thẻ biểu quyết không do Ban tổ chức Đại hội phát ra, không có chữ ký của cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông).

Điều 10. Thông qua quyết định của Đại hội:

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:

Thay đổi ngành nghề, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, loại cổ phầnvà tổng số cổ phần từng loại, dự án đầu tư lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, tổ chức lại, giải thể công ty.

- Các Nghị quyết khác của Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tán thành (trừ bầu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát).

Điều 11. Biên bản Đại hội:

- Nội dung Đại hội được lập thành biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên tới chịu trách nhiệm về tính

chính xác, trung thực của nội dung biên bản Đại hội.

- Biên bản Đại hội phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

- Biên bản Đại hội, biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

- Biên bản Đại hội phải được gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc hoặc công bố trên website của Công ty.

Điều 12. Nghị quyết Đại hội:

Nghị quyết của Đại hội được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, được gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc và công bố trên website của Công ty sau 24^h00 .

Điều 13. Hiệu lực thi hành của Quy chế:

- Quy chế này gồm mười ba (13) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;

- Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Nguyễn Thái Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Số: 42 /QC-ĐSNB	*Bình Định, ngày 12 tháng 4 năm 2021*

QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH NHIỆM KỲ 2021-2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; ngày 17/6/2020;

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được tiến hành theo những quy định sau đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/3/2021) có mặt tại thời điểm biểu quyết đã hoàn thành thủ tục đăng ký và ký tên trong danh sách cổ đông dự họp đều có quyền tham gia bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 được bầu:

1. Thành viên Hội đồng quản trị : 03 thành viên

2. Thành viên Ban Kiểm soát : 03 Thành viên

Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện bầu Thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên được đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a/ Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

b/ Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết là cổ đông của Công ty.

c/ Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty, không được là người có liên quan của Người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện bầu Thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên đề cử hoặc tự ứng cử vào Ban Kiểm soát phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a/ Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

b/ Được đào tạo trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết là cổ đông của công ty. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số Kiểm soát viên, Trưởng Ban Kiểm soát có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành nghề đã nêu trên.

c/ Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc là người lao động của Công ty.

d/ Không phải là người có quan hệ gia đình của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát:

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên Hội đồng quản trị và một (01) ứng viên Ban Kiểm soát:

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 15% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai (02) ứng viên Hội đồng quản trị và hai (02) ứng viên Ban Kiểm soát:

- Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba (03) ứng viên Hội đồng quản trị và ba (03) ứng viên Ban Kiểm soát:

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gồm:

1. Đơn xin ứng cử , đề cử hoặc Quyết định cấp có thẩm quyền cử tham gia vào Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

2. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;

3. Bản sao có công chứng:

- Giấy tờ pháp lý của cá nhân: Gồm một trong các loại giấy tờ sau (Chứng minh nhân dân; thẻ căn cước công dân, hộ chiếu)

- Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn);

- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;

4. Giấy ủy quyền (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền đề cử).

Điều 6. Phương thức bầu cử:

1. Việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông tham dự được phát 01 phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị và 01 phiếu bầu Thành viên Ban Kiểm soát có ghi sẵn tên cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, ủy quyền và tổng số phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Theo đó, tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần nắm giữ (Bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được bầu.

3. Tổng số phiếu bầu được ghi sẵn trên từng loại phiếu bầu như sau:

- Tổng số phiếu bầu Thành viên Hội đồng quản trị = Số cổ phần sở hữu x 3

- Tổng số phiếu bầu Thành viên Ban Kiểm soát = Số cổ phần sở hữu x 3

Ghi chú:

- Trường hợp cổ đông hoặc Đại diện cổ đông muốn chỉnh sửa lại phiếu bầu do ghi nhầm, quý cổ đông vui lòng gạch chéo số phiếu bầu đã ghi nhầm và ghi lại số phiếu bầu mới ngay bên cạnh, ký tên. Không được tẩy xóa, bôi bẩn.

- Không bầu cho ứng viên phải ghi số (0) vào ô số quyền bầu của ứng viên.

5. Các trường hợp Phiếu bầu không hợp lệ:

- Là phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành, không đóng dấu của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho ứng viên của cổ đông vượt quá số quyền biểu quyết của cổ đông đó được sở hữu/được ủy quyền;

- Là phiếu không có chữ ký của người thực hiện quyền bầu cử;

- Phiếu để trống không bầu cho ứng viên.

Điều 7. Ban kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu, trình tự bỏ phiếu và kiểm phiếu:

1. Ban giám sát có trách nhiệm kiểm tra giám sát quá trình phát phiếu, bầu cử, bỏ phiếu, kiểm phiếu.

2. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn Quy chế bầu cử, phát phiếu bầu cử, kiểm tra giám sát việc bỏ phiếu, tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội, sau đó nộp biên bản cho chủ tọa Đại hội.

- Hỗ trợ cho Ban kiểm phiếu có một tổ kỹ thuật của Công ty do Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị.

3. Trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông dự Đại hội.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có lệnh của chủ tọa cuộc họp và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu thùng phiếu.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử và lập thành biên bản kiểm phiếu bầu cử. Biên bản kiểm phiếu bầu cử sẽ được các thành viên Ban kiểm phiếu ký để xác nhận tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tác, trình tự kiểm phiếu

Điều 8: Nguyên tắc chọn người trúng cử:

1. Việc chọn người trúng cử sẽ áp dụng theo nguyên tác dựa vào tỉ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên Hội đồng quản trị cần bầu là 03 (ba) và 03 (ba) Thành viên Ban Kiểm soát.

2. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau đó, theo nguyên tắc chọn người trúng cử như trên.

Điều 9. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu:

- Trưởng Ban kiểm phiếu sẽ thay mặt Ban kiểm phiếu giải thích những thắc mắc của cổ đông (nếu có) về Quy chế bầu cử ngay tại Đại hội.

- Chủ tọa Đại hội sẽ giải quyết những khiếu nại về việc bầu cử và kết quả bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát ngay tại Đại hội.

- Tất cả các nội dung khiếu nại và được giải quyết được ghi vào biên bản cuộc họp.

Điều 10. Điều khoản thi hành:

Quy chế này gồm có 10 Điều và có hiệu lực kể từ khi có Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và là cơ sở pháp lý cho việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình nhiệm kỳ 2021-2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình năm 2021./.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thái Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 12 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính thưa: Quý cổ đông Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được Hội đồng quản trị thông qua ngày 15/6/2016;

Căn cứ báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Hà Nội;

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về kết quả hoạt động kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 với các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

1. Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

- Bà: Lưu Thị Minh Hằng - Trưởng Ban kiểm soát
- Ông: Phan Minh Trung - Thành viên Ban kiểm soát
- Ông: Bạch Khôi Tinh - Thành viên Ban kiểm soát

2. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2020, hoạt động của Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã lập:

- Xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên để triển khai kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của công ty.

- Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Kiểm soát báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng

kinh tế của công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự họp đầy đủ các cuộc họp HĐQT, Ban giám đốc. Kiểm tra các văn bản ban hành trong quá trình quản trị công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ phòng ban trong công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao. Đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động Công ty cũng như về điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Nhìn chung, Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của Công ty.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và cá lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Thành viên ban kiểm soát

Thực hiện theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, thù lao của Ban kiểm soát được chi trả như sau:

- Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát: 22.000.000 đồng/tháng
- Thù lao Thành viên Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/ tháng

4. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện 04 phiên họp vào thời điểm đầu mỗi quý để tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính của quý trước và triển khai kế hoạch công việc trong quý.

Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên Ban kiểm soát thông qua 100%.

II. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH so với KH (%)
1	Tổng sản lượng	Tỷ đồng	186,590	197,370	105,8
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	170,425	180,276	105,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,966	4,657	93,8
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,973	3,977	100,11
5	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu	%	19,69	19,71	100,1
6	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	%	22,00	22,02	100,11
7	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	10,825	11,012	101,73

2. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. Công ty thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Hà Nội thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

- Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

3.Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020.

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt, xem xét các hồ sơ kiểm kê tài sản công nợ đến thời điểm 31/12/2020. Sau khi xem xét, thẩm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Năm 2020, Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành. Tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán

thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

- Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt. Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh đầy đủ tình hình tài chính của Công ty trong năm 2020.

- Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty lập. Ban kiểm soát xác định các số liệu tài chính được đưa ra trong báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

- Tình hình tài chính năm 2020 của Công ty là lành mạnh:

Nội dung	Số cuối năm 2020	Số đầu năm 2020
A. Tài sản ngắn hạn	83.918.042.589	58.056.829.973
B. Tài sản dài hạn	15.042.683.307	14.710.912.547
Tổng tài sản	**98.960.725.896**	**72.767.742.520**
C. Nợ phải trả	74.699.736.133	49.253.223.650
D. Vốn chủ sở hữu	24.260.989.763	23.514.518.870
Tổng nguồn vốn	**98.960.725.896**	**72.767.742.520**

Công ty thực đã thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác sản xuất kinh doanh; đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo đúng quy định. Tính đến thời điểm 31/12/2020, các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của Công ty. Vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

+ Tổng tài sản năm nay tăng so với năm trước là: 26,192 tỷ đồng (tăng 36%)

+ Chỉ số Nợ phải trả/tổng tài sản: 75,48%. Hệ số nợ vẫn trong vùng khá an toàn.

+ Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/Nợ phải trả ngắn hạn là 1,12 lần. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành 1,12 cho thấy Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.

+ Các khoản nợ của Công ty đã được rà soát tổng thể, thực hiện việc trích lập dự phòng và lên kế hoạch xử lý trong giai đoạn tiếp theo nhằm thu hồi dần và tất toán các khoản nợ khó đòi.

+ Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán.

4. Công tác giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty

Trong năm 2020, công tác quản lý và điều hành Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

- Các phiên họp của Hội đồng quản trị đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Các cuộc họp Hội đồng quản trị có số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định. Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý và đột xuất để giải quyết việc cấp bách đáp ứng yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng với chức năng và quyền hạn, đều thể hiện định hướng chiến lược phát triển, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ công ty.

- Nghị quyết Hội đồng quản trị được Ban giám đốc công ty tổ chức triển khai cụ thể đối với từng phòng ban công ty, đồng thời được tiến hành kiểm tra, giám sát do vậy mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện luôn được tháo gỡ và giải quyết kịp thời có hiệu quả.

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào và không xảy ra thiếu sót hay tổn thất nào trong công tác quản lý điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

5. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, quyết định cho Ban kiểm soát; Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời đại diện Ban kiểm soát tham dự. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định Điều lệ Công ty.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021. Ban kiểm soát đề ra kế hoạch năm 2021 như sau:

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện việc kiểm tra giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

- Thẩm định báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm của Công ty. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn của Công ty. Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, giám sát việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BGĐ;
- Lưu TKCT, BKS

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lưu Thị Minh Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày tháng 4 năm 2021

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

c) "*Việt Nam*" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) "*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*" (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ";

đ) "*Công ty*" là Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

e) "*Điều lệ*" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

g) "*Quy chế*" là Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

h) *"Vốn điều lệ"* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ công ty;

i) "*Vốn có quyền biểu quyết*" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

k) *"Ngày thành lập"* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

l) "*Người điều hành Công ty*" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;

m) "*Người quản lý Công ty*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty;

n) "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp hoặc Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) "*Người có quan hệ gia đình*" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty, để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Công ty có Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát phải có hai (02) thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc , Kế toán trưởng Công ty;

4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Kiểm soát;

2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

3. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

4. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

5. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát;

6. Tham dự hoặc cử thành viên Ban Kiểm soát khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết; Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;

7. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

8. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ công ty và của pháp luật.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban

kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về

tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và cổ đông; Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

6. Giám sát tình hình tài chính của Công ty; Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

12. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

13. Các tài liệu và thông tin sau đây phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

14. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

15. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

16. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát phải có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các cổ đông.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thành toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

3. Nếu Công ty không đủ điều kiện là Công ty đại chúng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hủy tư cách Công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình thì các Điều, Khoản, Mục, cụm từ... trong Quy chế này liên quan tới trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi... của Công ty đại chúng thì các Điều, Khoản, Mục, cụm từ ... đó không còn hiệu lực.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lưu Thị Minh Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN **ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình (sửa đổi) đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày ..../4/2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình số ... ngày .... tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.

Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình.

Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông ;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

b) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

c) "Công ty" là Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

d) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của Công ty.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt là:

a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty.

2. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông có yêu cầu.

3. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

4. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Công ty niêm yết có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị Công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:

a) Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ công ty quy định;

b) Cổ đông được đối xử công bằng.

6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó có quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 4. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của công ty và của các cổ đông khác. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ công ty.

1. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

b) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm a khoản này phải thực hiện lập danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm a khoản này thực hiện thông báo thời hạn chốt danh sách cổ đông bằng hình thức gửi văn bản thông báo hoặc nghị quyết cho cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

đ) Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

quy định tại khoản 2 và 3 Điều 22 Điều lệ công ty. Các vấn đề kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều 22 Điều lệ công ty.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền bằng văn bản cho đại diện của mình tham dự họp, được quy định tại Điều 20 Điều lệ công ty.

g) Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng cách gửi lại phiếu đăng ký (theo đường gửi thư, fax) hoặc theo những phương thức khác do người triệu tập quy định.

h) Điều kiện tiến hành: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp không đủ điều kiện thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 23 Điều lệ công ty.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo Điều 25 Điều lệ công ty.

k) Cách thức bỏ phiếu: Bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

l) Cách thức kiểm phiếu: Đại hội đồng cổ đông bầu Ban Kiểm phiếu để thực hiện kiểm phiếu.

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu phải thông báo kết quả kiểm phiếu ngay tại cuộc họp.

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Công ty.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo Điều 28 Điều lệ công ty.

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông thông qua có thể được lấy ý kiến bằng văn bản, trừ các trường hợp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến: Hội đồng quản trị Công ty hướng dẫn chi tiết khoản này

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết): Hội đồng quản trị Công ty hướng dẫn chi tiết khoản này

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.

Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.

b) Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

c) Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.

d) Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá (05) năm; Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là (03) người; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

- Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông mười (10) ngày để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

- Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết: từ 10% có quyền đề cử một (01) hoặc một số người theo Đại hội đồng cổ đông.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị: Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo khoản 3,4 Điều 31 Điều lệ công ty.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty và theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị: Cổ đông, nhóm cổ đông đủ điều kiện để đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị có thể giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Quy chế bầu cử.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu theo quy định của Điều lệ công ty. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định khi có đơn từ chức của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị có cơ sở xét thấy Chủ tịch Hội đồng quản trị không còn đủ điều kiện, năng lực để điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị; việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị phải tổ chức lấy phiếu biểu quyết như khi bầu.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị: Thù lao, thưởng của thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở tổng mức lương, thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các lợi ích khác thực hiện theo pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị: Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện theo Khoản 6 Điều 36 Điều lệ công ty.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: Thực hiện theo Khoản 7 Điều 36 Điều lệ công ty.

e) Cách thức biểu quyết: Thực hiện theo Khoản 8 Điều 35 Điều lệ công ty.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu

ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo Khoản 9 Điều 36 Điều lệ công ty.

i) Biên bản họp Hội đồng quản trị: Được lập, lưu giữ và thông báo theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 7 . Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có)

Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, ví dụ: Tiểu ban chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban lương thưởng và các Tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Tiểu ban và trách nhiệm, chế độ của từng thành viên trong Tiểu ban.

2. Trường hợp công ty không thành lập các Tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên HĐQT phụ trách riêng về từng vấn đề như: lương thưởng, nhân sự v.v...

Điều 8. Thư ký công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty

Chương IV
BAN KIỂM SOÁT

Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có vai trò trong việc giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng trong việc quản lý và điều hành, để các hoạt động của Công ty được minh bạch vì lợi ích của các cổ đông và Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 45 Điều lệ công ty.

Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 46 Điều lệ công ty.

Điều 10. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

Công ty có Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát phải có hai (02) thành viên thường trú ở Việt Nam.Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 44 Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện như đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát: Bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 và 5 Điều 44 Điều lệ công ty.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện như thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điểm e khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

3. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 47 Điều lệ công ty.

Chương V
GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 11. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc công ty

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại, miễn nhiệm các chức danh trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc công ty;

g) Tuyển dụng lao động theo phương án cơ cấu tổ chức, nhân sự đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc công ty

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị công ty bổ nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một Thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc công ty. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

Hội đồng quản trị công ty quyết định việc miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc công ty khi:

- Giám đốc công ty có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Giám đốc công ty không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ công ty;
- Giám đốc công ty không còn đủ năng lực, điều kiện để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty, hoặc việc điều hành của Giám đốc làm thiệt hại Công ty mà HĐQT xét thấy cần phải miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng.

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Công ty thực hiện như đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát. Ngoài ra, còn được thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định và thuận tiện cho việc giao dịch, hợp tác.

Chương VI
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 13. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị những hợp đồng giữa công ty với chính thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và

cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.

5. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

6. Công ty quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá.
- Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật
- Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật.
- Tổ chức thực hiện.

Điều 14. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 15. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát.

3. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bao vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của Công ty.

Chương VII
ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 16. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Thư ký công ty cần tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị công ty do các cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo tập huấn liên quan đến quản trị công ty tổ chức.

Chương VIII
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 17. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin của Công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 18. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
b) Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
c) Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có);
d) Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty;
e) Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc và thành viên Ban kiểm soát;
f) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;
h) Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 19. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:

a) Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn của pháp luật;

b) Đồng thời cử ít nhất một cán bộ về công bố thông tin.

2. Cán bộ công bố thông tin có thể là Thư ký công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.

3. Cán bộ công bố thông tin phải là người:

a) Có hiểu biết nhất định về kế toán, tài chính.

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;

d) Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương IX
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế với Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Giám sát

Công ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Xử lý vi phạm

Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này mà không công bố thông tin và báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại các điều 17, 18 và 20 Quy chế này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ công ty hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ công ty thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

3. Nếu Công ty không đủ điều kiện là Công ty đại chúng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hủy tư cách Công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình thì

các Điều, Khoản, Mục, cụm từ... trong Quy chế này liên quan tới trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi... của Công ty đại chúng thì các Điều, Khoản, Mục, cụm từ ... đó không còn hiệu lực.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình bao gồm 10 Chương 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng 4 năm 2021./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng 4 năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

c) "*Việt Nam*" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) "*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*" (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ";

đ) "*Công ty*" là Công ty *Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình* ;

e) "*Điều lệ*" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

g) "*Quy chế*" là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

h) *"Vốn điều lệ"* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ công ty;

i) "*Vốn có quyền biểu quyết*" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

k) *"Ngày thành lập"* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

l) "*Người điều hành Công ty*" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;

m) "*Người quản lý Công ty*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty;

n) "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) "*Người có quan hệ gia đình*" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

Theo Điều 34 Điều lệ công ty, ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty có thể ủy quyền một số quyền hạn và trách nhiệm cho Giám đốc theo văn bản ủy quyền.

b. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị.

d. Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các phiên họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.

đ) Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới các hình thức khác.

e) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

g) Lập chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện việc quản trị hoạt động của Công ty.

h) Ký các văn bản nhân danh Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị , các chứng từ giao dịch khác theo điều kiện liên quan tại Quy chế tài chính của Công ty.

i) Phê duyệt dự toán chi phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Công ty và các chi phí bất thường khác, bao gồm cả các chi phí bất thường trong lúc triển khai thực hiện dự án đầu tư do Giám đốc đề xuất.

k) Chủ tịch Hội đồng thanh lý tài sản; Chủ tịch Hội đồng giá;

l) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ chuyên trách, phụ trách chung hoạt động của Hội đồng quản trị và trực tiếp phụ trách một hoặc một số mặt công tác để giải quyết những công việc khác đã được Hội đồng quản trị giao quyền hoặc được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

m) Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho một số thành viên khác trong Hội đồng quản trị đảm nhiệm một hay một số công việc của mình.

n) Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về hoạt động của Công ty.

o) Chủ tịch Hội đồng quản trị cho ý kiến để tuyển dụng Thư ký công ty hoặc chỉ định Thư ký công ty bán chuyên trách.

p) Chủ tịch Hội đồng quản trị trực tiếp quản lý các loại cổ phần phát hành, chào bán, huy động vốn thông qua việc phát hành cổ phần và các vấn đề liên quan tới cổ đông.

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 8. Thư ký công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

1. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 32 Điều lệ công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

4. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

5. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều 31Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được nêu quy định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty.

b) Quyết định phương án đầu tư và thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.

c) Phê duyệt phương án triển khai thực hiện các dự án đầu tư của Công ty, bao gồm cả phương án thực hiện và kết quả của việc thực hiện mua sắm phục vụ cho việc triển khai này.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động cũng như những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ và vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Công ty.

đ) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các nội dung quy định tại Điều lệ Công ty.

e) Quyết định Kế hoạch sản xuất kinh doanh do Giám đốc đề nghị được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

f) Hợp đồng, giao dịch:

+ Thông qua các hợp đồng theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định tại Quy chế quản lý tài chính Công ty.

+ Giám sát việc thương thảo, ký kết hợp đồng để tránh hợp đồng bị vô hiệu gây thiệt hại cho Công ty.

+ Phê duyệt và ủy quyền tổ chức thực hiện các hợp đồng sản xuất kinh doanh do Giám đốc trình.

+ Phê duyệt kế hoạch tổng hợp hàng quý, năm của Công ty.

g) Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản cố định hàng năm hoặc bất thường phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do Giám đốc đề xuất.

h) Quyết định trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương cho Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty và các vị trí quan trọng khác (nếu có).

j) Cho ý kiến để Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ; Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh; Đội trưởng, Đội phó các đơn vị trực thuộc Công ty.

k) Quản lý các loại cổ phần phát hành, chào bán, huy động vốn thông qua việc phát hành cổ phần và các vấn đề liên quan tới cổ đông.

l) Quyết định cử Người đại diện quản lý phần vốn góp của công ty.

m) Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động kiểm tra và kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.

n) Quyết định phương án cơ cấu tổ chức, quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty theo đề nghị của Giám đốc công ty.

o) Ban hành quy chế tài chính của Công ty trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và Kế toán trưởng công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

p) Quyết định mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, trên cơ sở tổng mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác cho Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

q) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, xem xét sai phạm những người này gây thiệt hại cho Công ty và thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý và khắc phục.

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm các thông tin sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị;

- Kết quả giám sát đối với Giám đốc; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

- Các kế hoạch trong tương lai.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty nhưng phải thực hiện bảo mật, cung cấp thông tin, phát ngôn liên quan đến các thông tin, tài liệu này theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nội quy, quy chế của Công ty.

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nội quy, quy chế của Công ty.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

Chương IV
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 9 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất

một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong Biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Chương V
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI
PHÂN CẤP QUYỀN HẠN GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 19. Trong lĩnh vực huy động vốn

Hội đồng quản trị có quyền:

1. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

2. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

3. Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều 20. Trong lĩnh vực đầu tư ra ngoài Công ty

1. Trong khuôn khổ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị quyết định việc góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty liên doanh, góp vốn tham gia hợp tác kinh doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty) theo đề nghị của Giám đốc có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả việc sử dụng các khoản vốn góp này ở từng đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty. Hàng quý, Giám đốc và người đại diện phần vốn góp của Công ty có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các Đơn vị liên doanh hay có vốn góp của Công ty.

Điều 21. Trong lĩnh vực đầu tư tài sản cho Công ty

1. Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt chủ trương các dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh của Công ty có tổng mức đầu tư có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

2. Đối với các dự án đã có trong kế hoạch kinh doanh của Công ty hoặc đã được Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương, Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định:

a) Phê duyệt và ký toàn bộ các thủ tục đầu tư, bao gồm: Báo cáo đầu tư, kế hoạch đấu thầu/chào hàng/chào giá; thiết kế, dự toán, tổng dự toán; chi phí phát sinh; quyết toán vốn đầu tư và các công việc khác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư và đưa dự án vào sử dụng.

b) Phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án có giá trị phát sinh đến 10% ngân sách đầu tư đã được phê duyệt.

c) Tùy tình hình cụ thể Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Giám đốc phê duyệt phát sinh của các hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án.

d) Thực hiện theo các Điều liên quan của Quy chế quản lý tài chính.

Điều 22. Trong lĩnh vực thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

Hội đồng quản trị quyết định việc thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư dài hạn, các tài sản cố định do Hội đồng quản trị quyết định đầu tư.

Điều 23. Trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự

1. Về lĩnh vực tổ chức bộ máy:

a) Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu tổ chức, định biên, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty (bao gồm cơ cấu tổ chức các phòng, bộ phận của bộ máy điều hành); Quyết định việc thành lập, giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các đơn vị trực thuộc. Quyết định quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc. Quyết định định biên các chức danh lãnh đạo của các phòng, bộ phận của bộ máy điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc; Quyết định kế hoạch quỹ lương, thù lao hàng năm của Công ty theo đề nghị của Giám đốc.

b) Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty ở đơn vị liên kết của Công ty theo đề nghị của Giám đốc.

c) Giám đốc Công ty quyết định các chức danh quản lý khác trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Ký kết, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động trên cơ sở kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

d) Giám đốc thực hiện việc khen thưởng, kỷ luật, sa thải người lao động phù hợp với quy định của luật lao động, Điều lệ và Nội quy lao động Công ty;

2. Về việc cử cán bộ đi công tác hoặc đào tạo ở nước ngoài:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận các cá nhân, các đoàn nước ngoài vào Việt Nam làm việc với Công ty theo đúng quy định của Công ty và pháp luật Việt Nam.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định cử cán bộ, công nhân, người lao động (kể cả Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát) Công ty ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng.

Điều 24. Về chi phí và giá thành

Thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Công ty; Đồng thời luôn tìm biện pháp tiết kiệm chi phí để hạ giá thành trên cơ sở vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm, công trình và dịch vụ sản xuất kinh doanh.

Điều 25. Về thực hiện quản lý văn bản

1. Văn bản đi:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ký ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị; Các văn bản đối ngoại gửi các cơ quan ngoài công ty.

b) Giám đốc: Ký tất cả các loại văn bản ban hành trong nội bộ; Ký các văn bản đối ngoại gửi các cơ quan không thuộc thẩm quyền ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Văn bản đến:

a) Văn bản gửi Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý;

b) Văn bản gửi Công ty: Giám đốc xử lý; trường hợp văn bản cần xin ý kiến Hội đồng quản trị thì Giám đốc trình Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét cho ý kiến, Giám đốc căn cứ ý kiến để triển khai đến các đối tượng thực hiện.

3. Các Nghị quyết, quyết định, tài liệu có liên quan của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (www. duongsatnghiabinh.vn) theo đúng quy định của pháp luật

Chương VII
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 27. Nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc

1. Hội đồng quản trị và Giám đốc phải phối hợp hoạt động theo tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành của đơn vị; đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường sự hỗ trợ nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển của Công ty và theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua các quyết định hoặc nghị quyết và yêu cầu Giám đốc thực hiện. Trừ trường hợp khẩn cấp do yêu cầu của sản xuất kinh doanh, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được các tờ trình hoặc công văn đề nghị của Giám đốc. Đối với các vấn đề lớn cần họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, Hội

đồng quản trị sẽ xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc.

3. Các cuộc họp do các cơ quan liên quan, các đối tác, khách hàng... mời Công ty tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) có tính chất đặc biệt quan trọng, có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Giám đốc thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết để tham dự hoặc cho ý kiến trước khi cuộc họp diễn ra.

4. Hội đồng quản trị quyết định các quy định, quy chế quản lý hoạt động của Công ty và tùy từng trường hợp cụ thể có thể ủy quyền cho Giám đốc một số quy định hoạt động nội bộ.

5. Trách nhiệm của Giám đốc trong quan hệ công việc với Hội đồng quản trị:

a) Giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét và điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định (nếu cần). Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị.

b) Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị nếu xét thấy trái với pháp luật, trái với Điều lệ hoặc trái với quyết định Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban Kiểm soát; Giám đốc tự chịu trách nhiệm về những ý kiến của mình trước pháp luật và Hội đồng quản trị đối với những vấn đề nói trên.

c) Các trách nhiệm khác của Giám đốc được nêu trong khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 28. Quan hệ với bộ máy điều hành Công ty

1. Hội đồng quản trị không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Giám đốc công ty; Hội đồng quản trị có thể tham dự các buổi họp giao ban của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác... do Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt.

2. Nếu cần thiết, Hội đồng quản trị có kế hoạch làm việc với các đơn vị thành viên của Công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 30. Quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty

1. Hội đồng quản trị phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của các tổ chức này tại Công ty.

2. Hội đồng quản trị xem xét cho ý kiến về Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động để Giám đốc Công ty phối hợp với Công đoàn Công ty tổ chức ký ban hành.

Điều 31. Quan hệ với cổ đông và cơ quan truyền thông báo chí

1. Hội đồng quản trị bảo đảm thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Công ty thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ công ty, cung cấp những thông tin quan trọng về hoạt động của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch trong quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với các cổ đông theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

4. Các ủy viên Hội đồng quản trị không được tự ý thay mặt Công ty phát ngôn với các cơ quan truyền thông, báo chí, với cổ đông về các vấn đề liên quan đến Công ty. Ngoại trừ có các quy định khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc là người chịu trách nhiệm thay mặt Công ty phát ngôn chính thức với cơ quan truyền thông về các vấn đề liên quan của Công ty.

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ công ty hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ công ty thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

3. Nếu Công ty không đủ điều kiện là Công ty đại chúng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hủy tư cách Công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình thì các Điều, Khoản, Mục, cụm từ... trong Quy chế này liên quan tới trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi... của Công ty đại chúng thì các Điều, Khoản, Mục, cụm từ ... đó không còn hiệu lực.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình bao gồm 8 Chương, 33 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng 4 năm 2021./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành,

Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày ... tháng 4 năm 2021.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số *59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

b) "*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*" (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ";

c) "*Việt Nam*" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) "*Công ty*" là Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình;

đ) "*Điều lệ*" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

e) *"Vốn điều lệ"* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 7 Điều lệ này;

g) *"Ngày thành lập Công ty"* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

h) "*Người quản lý Công ty*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty;

i) "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại *Khoản 23* Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

k) *"Thời hạn hoạt động"* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 5 Điều 3 Điều lệ này;

l) *"Cổ phần":* vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần;

m) *"Cổ phần phổ thông"* là một đơn vị vốn điều lệ của Công ty có mệnh giá là mười ngàn đồng (10.000 VND) và cho phép người nắm giữ có các quyền theo quy định của Điều lệ này;

n) *"Cổ phần ưu đãi"* là các loại cổ phần ưu đãi theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

o) *"Cổ tức"* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác

p) *"Cổ đông"* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

q) *"Cổ phiếu"* là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty;

r) "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

s) "Người có quan hệ gia đình": vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng,

t) "Bản sao": là giấy tờ được sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc đã được đối chiếu với bản chính.

u) Giấy tờ pháp lý của cá nhân là một trong loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân. Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháo khác.

ư) Giấy tờ pháp lý của tổ chức là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

`Điều 2. Tên, địa chỉ, trụ sở chính

1. Tên gọi đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH

2. Tên gọi tắt: CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT NGHĨA BÌNH (ĐSNB)

3. Tên giao dịch quốc tế: NGHIA BINH RAILWAY JOINT STOCK COMPANY

4. Tên công ty viết tắt: NBR,JSC

5. Trụ sở chính: số 02, đường Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Điện thoại: 0256.3822077 Fax: 0256.3817371

7. E-mail: congtycpdsnghiabinh@gmail.com

8. Website: www.duongsatnghiabinh.vn

9. Biểu tượng (Logo):

Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Hình thức doanh nghiệp:

- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ sang Công ty cổ phần do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối;

- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình có:

a) Tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con và công ty liên kết trong phạm vi số vốn do Công ty đầu tư.

c) Quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình có một (01) người đại diện theo pháp luật. Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, không lam dụng chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu tại Khoản 3 Điều này.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 61 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty:

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

a) Ngành, nghề kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì, xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi và nhà các loại; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.

b) Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất và khai thác đá, cát sỏi, cấu kiện bê tông, thép chuyên ngành, dụng cụ lao động, bảo hộ;
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm, tư vấn.

c) Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật:

- Kinh doanh vận tải đường bộ; đại lý vé may bay, ô tô, tàu hỏa;
- Đầu tư và kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch;
- Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa thể thao.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt	5221 (chính)
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Xây dựng nhà các loại	4100
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4290
5	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi	4329
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình giao thông, dân dụng	7110
7	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông	2395
8	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép	2511

9	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị, phụ kiện phục vụ ngành giao thông đường sắt và trang thiết bị, dụng cụ lao động	3290
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị, phụ kiện ngành giao thông đường sắt	4659
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán trang thiết bị, dụng cụ lao động và các sản phẩm từ đá	4669
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh bất động sản và cho thuê mặt bằng kho bãi	6810
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
14	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	5510
15	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế	7911
16	Điều hành tua du lịch	7912
17	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
18	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá	0810
19	Sản xuất sản phẩm từ khoáng chất phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ đá	2399
20	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu	7120
21	Hoạt động thể thao vui chơi giải trí: Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở thể thao: Sân bóng đá, tennis, cầu lông và các hoạt động thể thao khác	9311
22	Vận tải hành khách bằng đường bộ	4932
23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô, bãi để xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy	5221
24	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, ô tô, tàu lửa	5229
26	Các ngành kinh doanh khác theo quy định của pháp luật	

27	Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện: Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	

3. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;

- Hoàn thành mọi nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với Chiến lược phát triển chung của Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

CHƯƠNG II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 18.060.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Mười tám tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.806.000 cổ phần.

(Bằng chữ: Một triệu tám trăm lẻ sáu ngàn cổ phần)

Với mệnh giá một cổ phần là mười nghìn đồng (10.000 VNĐ/01 CP).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, trong đó cổ phần thuộc sở hữu của Người lao động trong Công ty được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại thời điểm thành lập bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 và Khoản 4 Điều 10 của Điều lệ này. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ này.

4. Cổ phần thuộc sở hữu của Người lao động trong Công ty được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại thời điểm thành lập Công ty được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông và tự do chuyển nhượng sau khi kết thúc thời gian cam kết. Người nắm giữ cổ phần được mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty có quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần. Sau thời gian cam kết các hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của Người lao động trong Công ty đều được bãi bỏ.

5. Công ty có thể chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ. Việc chào bán cổ phần được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại công ty

Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị của Công ty có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 8 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 8 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty

8. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

9. Công ty có thể phát hành các loại trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Trong quá trình hoạt động, phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty có thể thay đổi. Việc thay đổi do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam lập phương án, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu và Sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

6. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.

b) Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

-Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

c) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đang ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

d) Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

đ) Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại khoản 10 Điều 10 Điều lệ này.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần, thừa kế cổ phần

1. Tất cả các cổ phần trong Công ty đều được tự do chuyển nhượng trừ pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ phần ưu đãi của người lao động đã mua khi cam kết làm việc lâu dài cho Công ty trong thời hạn ít nhất là ba (03) năm (kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Trường hợp Công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì Công ty có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

4. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục *chuyển nhượng được* thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.

6. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

9. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

10. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Mua lại cổ phần, trái phiếu, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

2. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Việc yêu cầu của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan.

3. Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

4. Trình tự thủ tục tiến hành việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty và việc thanh toán, xử lý các cổ phần mua lại thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 133, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan.

Điều 13. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ này. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối vớicổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 14. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này hoặc việc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp và Điều 13 Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty.

Mục 1
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này và pháp luật quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c)Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác trong Công ty đề cử.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông Công ty thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Quyền và *nghĩa* vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật của Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông còn lại tán thành hoặc số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết còn lại tán thành đối với trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

i) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

k) Tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty); giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

n) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty); giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r)*Chấp thuận các giao dịch sau:*

- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát,

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

- Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này;Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

- Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mốt phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;

t) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.

Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 21. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần

thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 23, 24, 25, 26 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và *Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.* Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị đề xuất quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 23. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ để tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ

ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp

Điều 24. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1.Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đôngdo Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọaĐại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. Các biện pháp này được phải được Hội đồng quản trị Công ty ban hành và gửi theo Thông báo mời họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

b) Định hướng phát triển Công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty.

Điều 26. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương

ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị Công ty có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp

lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin

điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).

6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 30. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

MỤC II
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Nhiệm kỳ và số lượng của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 32 Điều lệ này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

d) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

đ) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

e) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Trừ trường hợp quy định tại điểm này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.

3. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

i) Thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến người quản lý Công ty; thay mặt Công ty khiếu nại, tố cáo Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty khi xét thấy cá nhân đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành các quy chế nội bộ khác của công ty trừ trường hợp Điều lệ này quy định khác hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

4. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c trên đây phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm các thông tin sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị;

- Kết quả giám sát đối với Giám đốc; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

- Các kế hoạch trong tương lai.

6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty nhưng phải thực hiện bảo mật, cung cấp thông tin, phát ngôn liên quan đến các thông tin, tài liệu này theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nội quy, quy chế của Công ty.

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nội quy, quy chế của Công ty.

Điều 34. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 36. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách

nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 9 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa,người ghi biên bản và những người ký tên trong Biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

MỤC III
GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 38. Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Công ty:

a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;.

c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban Kiểm soát Công ty và người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

d) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

4. Giám đốc Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; Ký kết các Hợp đồng nhân danh Công ty. Đối với các hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông Công ty, Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng sau khi có quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, Đại hội đồng cổ đông công ty.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng quản trị Công ty; kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 39. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Công ty có các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

2. Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty trong việc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công và uỷ quyền.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty, giúp Giám đốc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật.về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán, và các quy định của pháp luật.

4. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

Điều 40. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất được quy định tại quyết định thành lập, quyết định giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty và theo quy chế, quy định nội bộ Công ty.

3. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc Công ty có quyền đề nghị Hội đồng quản trị Công ty thay đổi cơ cấu, định biên, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sản xuất phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 41. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị quyết định theo kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Tiền lương của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 42. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 43. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

MỤC IV
BAN KIỂM SOÁT

Điều 44. Ban Kiểm soát

1. Công ty có Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và thành viên

Ban Kiểm soát có thể được bầu lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát phải có hai (02) thành viên thường trú ở Việt Nam.Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

d) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

đ) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát;

e) Tham dự hoặc cử thành viên Ban Kiểm soát khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết; Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;

g) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

3. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc , Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và cổ đông; Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của

Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

7. Giám sát tình hình tài chính của Công ty; Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

8. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

11. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

12. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

13. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

14. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát phải có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

đ) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các cổ đông.

15. Các tài liệu và thông tin sau đây phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

18. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty, để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG IV
CON DẤU CÔNG TY, CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ LƯU GIỮ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48. Con dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và quy chế, quy định nội bộ của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Công ty có dấu ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Điều 49. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty

1. Công ty lưu giữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ Công ty; các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông;

b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giấy phép và giấy chứng nhận khác;

c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;

d) Phiếu biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Công ty;

đ) Bản cáo bạch để chào bán hoặc niêm yết chứng khoán (nếu có);

e) Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;

g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;

h) Các tài liệu khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Đối với các báo cáo quy định tại khoản 4 Điều 33 Điều lệ này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.

3. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính Công ty; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 50. Công khai thông tin Công ty

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:

a) Điều lệ Công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty;

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

4. Việc công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ này.

Điều 51. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG V
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 52. Quan hệ lao động trong Công ty

1. Trong Công ty, Giám đốc Công ty là Người sử dụng lao động.

Quan hệ lao động giữa người lao động hoặc tập thể lao động với người sử dụng lao động được xác lập qua đối thoại, thương lượng, thoả thuận theo nguyên tắc tự nguyện, thiện chí, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.

Công ty cam kết bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động trong Công ty có các quyền sau đây:

a) Làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

b) Hưởng lương phù hợp với trình độ, kỹ năng nghề trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế, quy định của Công ty;

c) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia đối thoại, thực hiện quy chế dân chủ, thương lượng tập thểvới người sử dụng lao động và được tham vấn tại nơi làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình; tham gia quản lý theo nội quy của người sử dụng lao động;

d) Từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe trong quá trình thực hiện công việc;

đ) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

e) Đình công;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Người lao động trong Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và các thỏa thuận hợp pháp khác;

b) Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động; tuân theo sự quản lý, điều hành, giám sát hợp pháp của người sử dụng lao động;

c) Thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.

4. Người sử dụng lao động của Công ty có các quyền sau đây:

a) Tuyển dụng, bố trí, quản lý, điều hành, giám sát lao động theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh; khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật lao động;

b) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu tổ chức đại diện người lao động, thương lượng với mục đích ký kết thoả ước lao động tập thể; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, đình công; đối thoại, trao đổi với tổ chức đại diện người lao động về các vấn đề trong quan hệ lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động;

d) Đóng cửa tạm thời nơi làm việc;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Người sử dụng lao động của Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận khác với người lao động và các thỏa thuận hợp pháp khác; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động;

b) Thiết lập cơ chế và thực hiện đối thoại, trao đổi với người lao động và tổ chức đại diện người lao động tại Công ty và thực hiện nghiêm chỉnh quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;

c) Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nhằm duy trì, chuyển dổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động;

d) Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

đ)Tham gia phát triển tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề cho người lao động.

Điều 53. Tổ chức đại diện người lao động trong Công ty

1. Người lao động trong Công ty có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn hoặc có quyền thành lập, gia nhập và tham gia hoạt động của tổ chức của người lao động tại Công ty theo quy của Bộ luật Lao động.

2. Các tổ chức đại diện người lao động quy định tại khoản 1 Điều này bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong việc đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động.

3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty trong quan hệ lao động:

a) Thương lượng tập thể với người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

b) Đối thoại tại nơi làm việc theo quy định của Bộ luật Lao động.

c) Được tham khảo ý kiến xây dựng và giám sát việc thực hiện thang lương, bảng lương, mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng, nội quy lao động và những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động là thành viên của mình.

d) Đại diện cho người lao động trong quá trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp lao động cá nhân khi được người lao động ủy quyền.

đ) Tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của Bộ luật Lao động.

e) Tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật của cơ quan, tổ chức đăng ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam nhằm tìm hiểu pháp luật về lao động; về trình tự, thủ tục thành lập tổ chức đại diện người lao động và việc tiến hành các hoạt động đại diện trong quan hệ lao động sau khi được cấp đăng ký.

g) Được người sử dụng lao động bố trí nơi làm việc và được cung cấp thông tin, bảo đảm các diều kiện cần thiết cho hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty.

h) Tổ chức đại diện người lao động tại Công ty có thể bầu Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện của mình. Tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự thủ tục bầu thành viên Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Thành viên Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty có quyền sau đây:

- Tiếp cận người lao động tại nơi làm việc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty. Việc thực hiện quyền này phải bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người sử dụng lao động;

- Tiếp cận người sử dụng lao động để thực hiện các nhiệm vụ đại diện của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty;

- Được sử dụng thời gian làm việc theo quy định tại Bộ luật Lao độngvà văn bản pháp luật liên quanđể thực hiện công việc của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty mà vẫn được người sử dụng lao động trả lương;

- Được hưởng các bảo đảm khác trong quan hệ lao động và trong việc thực hiện chức năng đại diện theo quy định của pháp luật.

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với tổ chức đại diện người lao động trong Công ty:

a) Không được cản trở, gây khó khăn khi người lao động tiến hành các hoạt động hợp pháp nhằm thành lập, gia nhập và tham gia các hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty.

b) Công nhận và tôn trọng các quyền của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty đã được thành lập hợp pháp.

c) Phải thỏa thuận bằng văn bản với ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, chuyển làm công việc khác, kỷ luật sa thải đối với người lao động là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở. Trường hợp không thỏa thuận được, hai bên phải báo cáo với cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Sau 30 ngày kể từ ngày báo cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh biết, người sử dụng lao động mới có quyền quyết định. Trường hợp không nhất trí với quyết định của người sử dụng lao động thì người lao động, ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

d) Phải gia hạn hợp đồng lao động đã giao kết đến hết nhiệm kỳ cho người lao động là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đang trong nhiệm kỳ mà hết hạn hợp đồng lao động.

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Một phần lợi nhuận sau thuế của Công ty có thể dùng để trích lập vào các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên khi chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập, công bố và nộp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập, công bố và nộp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền báo cáo tài chính 6 tháng và quý theo quy định pháp luật liên quan.

4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty .

CHƯƠNG VIII
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 60. Tổ chức lại Công ty

1. Việc tổ chức lại, hình thức tổ chức lại Công ty do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định.

2. Khi tổ chức lại, Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật quy định.

Điều 61. Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh

1. Việc tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 206 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 213 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 62. Giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định tại các Điều 207, 208, 209, 210 và Điều 211 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 63. Thanh lý Công ty

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập.

Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 64. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản

CHƯƠNG IX
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các thỏa thuận khác giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp trên nguyên tắc thương lượng, hoà giải.

Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

Điều 66. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 67. Tổ chức thực hiện

1. Các cổ đông của Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các nội quy, quy chế, quy định nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty ban hành phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

3. Nếu Công ty không đủ điều kiện là Công ty đại chúng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hủy tư cách Công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình thì các Điều, Khoản, Mục, cụm từ... trong Điều lệ này liên quan tới trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi... của Công ty đại chúng thì các Điều, Khoản, Mục, cụm từ ... đó không còn hiệu lực.

Điều 68. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 10 Chương 68 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình nhất trí thông qua ngày ... tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở của Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười lăm bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Ba (03) bản nộp Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (là cổ đông tổ chức có vốn góp chi phối tại Công ty);

b) Sáu (06) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

c) Một (01) bản nộp tại phòng công chứng nhà nước taih thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

d) Năm (05) bản đăng ký tại Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Định.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)